

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2024/DSST

Ngày 17/4/2024

Vụ: *V/v tranh chấp hui, họ, biêu, phường
giữa chị Minh và chị Hiền.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hữu Hiền.

Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Huy Bân, bà Nghiêm Thị Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Quang, Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 93/2023/TLST-DS, ngày 11/10/2023 về việc “Tranh chấp hui, họ, biêu, phường” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/QĐXXST-DS, ngày 11/3/2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1971 (có mặt).

Trú tại: Thôn T, xã Tr, huyện Y, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh N, sinh năm 1971.

Trú tại: KT, phường K, thành phố B, tỉnh B(có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1977 (có mặt).

Trú tại: Thôn T, xã Tr, huyện Y, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2023, biên bản lấy lời khai tại Tòa án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

Giữa chị M và vợ chồng anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị M cùng tham gia chơi phường để làm ăn. Chị M đã cho vợ chồng chị H, anh K vay tiền phường nhiều lần, việc vay tiền phường có thể hiện trên giấy biên nhận, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Ngày 21/01/2019, chị M cho chị H, anh K vay số tiền 120.000.000 đồng.

+ Lần 2: Ngày 25/12/2018, chị M cho chị H, anh K vay số tiền 102.000.000 đồng.

+ Lần 3: Ngày 25/02/2019, chị M cho chị H, anh K vay số tiền 96.000.000 đồng.

Tổng số tiền chị M cho chị H, anh K vay là 318.000.000 đồng.

Do hoàn cảnh khó khăn, chị M đã yêu cầu vợ chồng chị H, anh K trả tiền nhưng chị H, anh K không trả tiền. Nay chị M yêu cầu vợ chồng chị H, anh K trả số tiền 318.000.000 đồng.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, chị M thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị M yêu cầu chị H phải trả số tiền 168.000.00 đồng, chị M không yêu cầu anh K trả tiền cho chị M.

Tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thu H trình bày: Một mình chị H có tham gia chơi phường với chị M, anh K chồng chị H không tham gia chơi phường với chị M. Anh K không biết việc chị H chơi phường với chị M, đến khi chị H bị vỡ nợ thì anh K mới biết. Chị H có ký nhận vào 03 Giấy vay tiền phường với chị M, khi ký vào Giấy vay tiền phường chị H đã ký tên chị H và ký thay tên anh K chồng chị H, cụ thể như sau:

- Ngày 25/12/2018, chị H ký nhận vào Giấy vay tiền phường với nội dung: Tôi có vay của chị M số tiền 102.000.000 đồng.

- Ngày 21/1/2019, chị H ký nhận vào Giấy vay tiền phường với nội dung: Tôi có vay của chị M số tiền 120.000.000 đồng.

- Ngày 25/2/2019, chị H ký nhận vào Giấy vay tiền phường với nội dung: Tôi có vay của chị M số tiền 96.000.000 đồng.

Tổng số tiền là 318.000.000 đồng.

Sau khi vay tổng số tiền phường là 318.000.000 đồng. Mỗi tháng, chị H đóng cho chị M số tiền là 3.000.000 đồng, chị H đã được 50 tháng, tổng số tiền là 150.000.000 đồng. Khi đóng tiền cho chị M, chỉ đưa tay, không viết giấy tờ. Hiện nay chị H còn nợ chị M số tiền 168.000.000 đồng.

Nay chị M khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị H phải trả số tiền 318.000.000 đồng, chị H không đồng ý. Một mình chị M vay tiền phường của chị M thì chị H sẽ có trách nhiệm trả cho chị M. Anh K chồng chị H không liên quan gì, do vậy anh K không có trách nhiệm trả tiền cho chị M. Chị H đồng ý trả cho chị M số tiền 168.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thu H phải trả số tiền gốc là 168.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn là chị Nguyễn Thu H trình bày: Chị H xác nhận còn nợ chủ hộ (chị M) số tiền 168.000.000 đồng, chị H đồng ý trả cho chủ hộ (chị M) số tiền 168.000.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là cơ bản đúng pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật bị đơn không chấp hành đúng pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 147, 235, 239, 254, 262, 264 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự. Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, buộc chị Nguyễn Thu H phải trả chị Nguyễn Thị M số tiền 168.000.000 đồng.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thu H phải trả số tiền phưởng đã vay là 168.000.000 đồng. Đây là vụ án Tranh chấp hội, họ, biên, phưởng. Bị đơn là chị Nguyễn Thu H cư trú tại thôn T, xã Tr, huyện Y, tỉnh B. Tòa án nhân dân huyện Y đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, điều 26; điều 35; điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét về yêu cầu của chị Nguyễn Thị M yêu cầu chị Nguyễn Thu H phải trả cho số tiền gốc là 168.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các Giấy vay tiền phưởng đề ngày 21/01/2019, ngày 25/12/2018 và ngày 25/02/2019, lời khai của chị M, chị H thể hiện: Ngày 21/01/2019, ngày 25/12/2018 và ngày 25/02/2019 chị M có cho chị H vay tổng số tiền phưởng là 318.000.000.000 đồng. Chị M, chị H và anh K là chồng chị H đều thừa nhận chữ viết chữ ký “K, Nguyễn Văn K” tại mục Người nhận không phải chữ viết, chữ ký của anh K, chị H ký tên anh K. Chị M đưa tổng số tiền 318.000.000 đồng cho chị H. Tại biên bản lấy lời khai của chị H tại Tòa án thể hiện: Sau khi chị H vay tổng số tiền phưởng là 318.000.000 đồng của chị M, chị H đã trả cho chị M tổng số tiền 150.000.000 đồng, còn nợ số tiền 168.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, chị H xác nhận còn nợ chủ họ (chị M) số tiền 168.000.000 đồng, chị H đồng ý trả cho chủ họ (chị M) số tiền 168.000.000 đồng.

Chị M, chị H đều thừa nhận, chị H đã trả cho chị M số tiền số tiền phưởng là 150 triệu đồng, nay chị H chỉ còn nợ chị M số tiền 168 triệu đồng. Tại phiên tòa hôm nay chị H đồng ý trả số tiền 168 triệu đồng, nhưng sẽ trả cho những người chơi phưởng chứ không trả cho chị M. Nhận thấy quá trình chơi phưởng chị M là người tổ chức, quản lý dây phưởng, thu các phần tiền phưởng và giao cho các thành viên trong phưởng, lĩnh phưởng trong mỗi kỳ, chị H đã lĩnh tiền phưởng 3 lần, do vậy có nghĩa vụ đóng các phần tiền phưởng cho chủ phưởng là chị M để chị M trả cho các thành viên khác trong phưởng.

Từ những phân tích trên cho thấy có căn cứ xác định chị H còn nợ chị M số tiền phưởng là 168.000.000 đồng. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, buộc chị H phải trả cho chị M số tiền 168.000.000 đồng.

Chị M không yêu cầu chị H phải trả tiền lãi, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 147, 235, 239, 254, 262, 264, 273 và 278 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị định số 19/NĐ – CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

2. Buộc chị Nguyễn Thu H phải trả chị Nguyễn Thị M số tiền 168.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu 8.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị M số tiền 7.950.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí 04760, ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Yên Phong;
- Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hữu Hiền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Tô Huy Bân Nghiêm Thị Hiền

Tạ Hữu Hiến